

TỈNH ỦY BÌNH ĐỊNH
BCĐ THỰC HIỆN CTHĐ
SỐ 09-CTr/TU CỦA TỈNH ỦY

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Bình Định, ngày 07 tháng 9 năm 2023

Số: 03 - BC/BCĐ

BÁO CÁO

Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025

SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH ĐỊNH

ĐẾN Số: 10604
Ngày: 07/9/23

Chuyên: Thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 09);

Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09 (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) báo cáo kết quả sơ kết giữa nhiệm kỳ triển khai thực hiện Chương trình hành động số 09 và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chương trình hành động số 09

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện

Sau khi Chương trình hành động số 09 được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo triển khai quán triệt trong toàn Đảng bộ và tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng, nhân dân. Thông qua việc phổ biến, quán triệt đã nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các hội đoàn thể và cán bộ, đảng viên trong triển khai thực hiện Chương trình hành động số 09.

Để tổ chức chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09 (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) gồm 18 thành viên do đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo¹. Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế làm việc, Chương trình làm việc, qua đó đã kịp thời giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo việc triển khai, quán triệt thực hiện Chương trình hành động số 09 đến tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị của tỉnh².

¹ Thành lập theo Quyết định số 324-QĐ/TU ngày 17/6/2021 của Tỉnh ủy; Quyết định số 748-QĐ/TU ngày 10/10/2022 của Tỉnh ủy về thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo.

² Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 15/11/2021 của Ban Chỉ đạo; Chương trình số 01-CTr/BCĐ ngày 15/11/2021 của Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo đã định kỳ tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện, duy trì hoạt động có nền nếp, thường xuyên kiểm tra, theo dõi, nắm bắt tình hình triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh³; sau kiểm tra, Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Thông báo kết luận kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, nêu rõ những tồn tại, hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, đồng thời yêu cầu các đơn vị khắc phục những tồn tại, hạn chế và có kiểm tra, phúc tra kết quả khắc phục tồn tại đã chỉ ra⁴.

Cùng với đó, hằng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức. Trong kỳ báo cáo, tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra tại 11 sở, ngành tỉnh; 11/11 huyện, thị xã, thành phố và 35 xã, phường, thị trấn tập trung vào một số nội dung về công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực thi nhiệm vụ, công vụ;... Qua đó kịp thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính.

1.2. Xây dựng Kế hoạch cụ thể hóa Chương trình hành động số 09

Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy ban hành kế hoạch để cụ thể hóa việc thực hiện Chương trình hành động số 09 theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với điều kiện thực tế của ngành, địa phương⁵ và bám sát nội dung Chương trình hành động.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch⁶ thực hiện Chương trình hành động số 09 và các kế hoạch cải cách hành chính hàng năm để chỉ đạo và phân công nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Theo danh mục các nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh), qua rà soát, đến nay đã hoàn thành 31/38 nhiệm vụ, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình hành động số 09 (*tính đến ngày 15/6/2023*) như sau:

2.1. Về các chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt 66,65 điểm, đứng vị trí 21/63 tỉnh, thành phố, giảm 10 bậc so với năm 2021, duy trì ở nhóm tốt⁷;

³ Tuy Phước, An Nhơn, Hoài Nhơn (năm 2022), Quy Nhơn, Vân Canh, Phù Cát (năm 2023).

⁴ Thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 31/01/2023, Thông báo số 04-TB/BCĐ ngày 31/01/2023; Thông báo số 05-TB/BCĐ ngày 08/3/2023 của Ban Chỉ đạo.

⁵ Có 11/11 huyện ủy, thị ủy, thành ủy ban hành kế hoạch, chương trình hành động thực hiện; 20/20 sở, ngành ban hành kế hoạch thực hiện.

⁶ Ban hành kèm theo Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh.

⁷ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): năm 2022 đạt được là 66,65 điểm (giảm 1,67 điểm so với năm 2021), xếp thứ 21, giảm 10 bậc so với năm 2021.

Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI): năm 2022 đạt 41,67 điểm; giảm 0,26 điểm, thuộc nhóm Trung bình thấp, giảm 01 bậc so với năm 2021;

Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX): Năm 2021 tỉnh Bình Định đạt 86.70%, xếp hạng 30/63 tỉnh, thành phố (tăng 2.73 điểm và tăng 01 bậc so với năm 2020); năm 2022 đạt 85.03%, xếp hạng 33/63 (giảm 1.67 điểm và giảm 03 bậc so với năm 2021). Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính SIPAS năm 2021 đạt 87.67%, vị trí 23/63 tỉnh, thành phố, tăng 6 bậc so với năm 2020; năm 2022, đạt 81.78% đứng vị trí 21/63 tỉnh, thành (tăng 2 bậc so với năm 2021).

2.2. Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính năm 2022 đạt 87,1% (Theo Bộ Nội vụ), đến tháng 8/2023: đạt 73.16% (Công Dịch vụ công Quốc gia); 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến⁸, 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của tỉnh được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (đạt chỉ tiêu đề ra).

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến của toàn tỉnh đạt 37,1%, chưa đạt chỉ tiêu đề ra⁹.

2.3. Đến nay, 19/20 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định hiện hành¹⁰. So với năm 2020, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh giảm 08 phòng và giảm 07 phòng thuộc Chi cục.

2.4. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn sau đại học đạt 9,7% (mục tiêu phấn đấu đạt 10%); số lượng cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên đạt 89,3% (Mục tiêu phấn đấu đạt 100%).

2.5. Đến nay, so với năm 2020, giảm được 13 đơn vị sự nghiệp công lập; giảm 1.082 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập; có 38/733 đơn vị (tỷ lệ 5,19%) tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên; 06/733 đơn vị (tỷ lệ 0,82%) tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và đầu tư; thực hiện cổ phần hóa 01 đơn vị¹¹.

2.6. Về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số: Đã triển khai các ứng dụng dùng chung toàn tỉnh¹²; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử được xác thực điện tử.

⁸ Toàn tỉnh hiện đang cung cấp trực tuyến toàn trình đối với 851/1.829 thủ tục hành chính, cung cấp trực tuyến một phần đối với 374/1.829 thủ tục hành chính, đạt tỷ lệ 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến.

⁹ Theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được tính trên tổng số hồ sơ được tiếp nhận trong kỳ (bao gồm hồ sơ của những thủ tục hành chính không đủ điều kiện cung cấp trực tuyến).

¹⁰ Thanh tra tỉnh thực hiện sau khi có thông tư hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

¹¹ Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông Bình Định.

¹² Văn phòng điện tử, Một cửa điện tử, Dịch vụ công trực tuyến, Hội nghị trực tuyến, Thư điện tử công vụ, các phần mềm ứng dụng quản lý tài chính, ngân sách.

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền, phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện cải cách hành chính

Các cấp ủy đảng, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách hành chính, coi đây là tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và là điều kiện để xét thi đua, khen thưởng hằng năm¹³.

Công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền về cải cách hành chính ngày càng phát huy hiệu quả, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, hướng tới phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân, tổ chức và doanh nghiệp, góp phần giải quyết kịp thời các nút thắt, điểm nghẽn, nâng cao chất lượng phục vụ hành chính, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết của Chính phủ.

Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh được tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thông qua việc xác định chỉ số cải cách hành chính và khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước, Chỉ số năng lực cạnh tranh Bình Định (DDCI) bằng các tiêu chí cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ cải cách hành chính của từng năm, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính của Người đứng đầu cơ quan các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố hằng năm.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX của tỉnh đến năm 2025 và nhiệm vụ cải thiện các chỉ số năm 2023¹⁴; trong đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng chỉ số thành phần, từng lĩnh vực nội dung và phân công trách nhiệm thực hiện cho sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã để đạt được mục tiêu chung đề ra trong hằng năm. Từ đó, giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương nhìn nhận thực chất kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và nhận thức sâu sắc hơn về những mong muốn của người dân, tổ chức và doanh nghiệp, kịp thời có giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương mình¹⁵.

¹³ Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

¹⁴ Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh.

¹⁵ Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Hội nghị về phân tích các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số DDCI hằng năm.

Công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính được thực hiện dưới nhiều hình thức nhằm phổ biến kịp thời các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong tổ chức thực hiện; thúc đẩy phong trào thi đua, nhân rộng các mô hình, sáng kiến cải cách hành chính có hiệu quả¹⁶.

UBND tỉnh duy trì việc tổ chức định kỳ đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp và thường xuyên làm việc với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp¹⁷; chính quyền các cấp đã phối hợp tổ chức “Ngày Doanh nhân Việt Nam” hằng năm. Từng bước điều chỉnh mối quan hệ giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước, tạo cơ chế giám sát, quản lý của người dân đối với cơ quan nhà nước, giữa lãnh đạo với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý nhằm giảm bớt phiền hà, tiêu cực, thể hiện rõ bản chất và mục tiêu của công tác cải cách thủ tục hành chính.

Công tác giám sát về cải cách hành chính được cấp ủy đảng, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện thường xuyên hằng năm gắn với kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác “*Dân vận chính quyền*” và kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác kiểm tra cải cách hành chính được tiến hành thường xuyên. Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào một số nội dung chính: công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực thi nhiệm vụ, công vụ; việc khắc phục những tồn tại, hạn chế theo các thông báo kết luận kiểm tra; qua đó kịp thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và đề xuất cấp có thẩm quyền chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính. Qua đó, kịp thời biểu dương những đơn vị làm tốt và phát hiện những sai phạm để xử lý, chấn chỉnh hạn chế, thiếu sót trong thực hiện cải cách hành chính¹⁸.

3.2. Tập trung hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách; nâng cao chất lượng hiệu quả công tác xây dựng, ban hành và thực thi pháp luật

Các cấp ủy Đảng, chính quyền của tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời triển khai, tham mưu cụ thể hóa các quy định của Trung ương, hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, sau đại dịch Covid-

¹⁶ Tuyên truyền trong sinh hoạt chi bộ, cơ quan, đoàn thể; tổ chức cuộc thi; qua báo, đài phát thanh, truyền hình; cổng/trang thông tin điện tử; Zalo Chính quyền điện tử Bình Định, Facebook; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên; qua Hội nghị công bố chỉ số cải cách hành chính; xây dựng phóng sự; qua Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định;...

¹⁷ Năm 2021, 2022 do ảnh hưởng của Dịch Covid-19 không tổ chức đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nên tháng 6 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức đối thoại với hơn 700 doanh nghiệp.

¹⁸ Kết quả từ năm 2021 đến tháng 6/2023, các ngành, các cấp có liên quan đã tiến hành kiểm tra, giám sát cải cách hành chính tại 03 cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh (Cục Hải quan, Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh), 11/20 sở, ngành; 11/11 UBND cấp huyện và 60/159 UBND xã, phường, thị trấn.

19, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đề ra.

Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND tỉnh kịp thời ban hành văn bản để cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương; tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội, trọng tâm là chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng, khuyến khích, thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ xúc tiến thương mại, các quy định về phân cấp, ủy quyền, các quy định về cơ chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính, quản lý nhà nước¹⁹;

Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo đúng các quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, đánh giá tác động, lấy ý kiến tham gia các tổ chức, cơ quan, đơn vị và nhân dân, hạn chế thấp nhất tình trạng văn bản trái luật, trái thẩm quyền. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản được quan tâm thực hiện thường xuyên hàng năm theo kế hoạch, qua đó đã kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản đã hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp, bảo đảm cho hệ thống văn bản quy phạm của tỉnh được đồng bộ, thống nhất; những hạn chế, thiếu sót trong công tác soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh từng bước được khắc phục²⁰.

Công tác theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, nhất là việc thi hành pháp luật về đầu tư, kinh doanh, thuế, hải quan, đất đai, xây dựng, tài nguyên, môi trường, lao động, bảo hiểm xã hội, xử lý vi phạm hành chính... từng bước được tăng cường, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đã góp phần quan trọng nâng cao ý thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cán bộ và nhân dân, hạn chế đơn thư khiếu nại, ổn định tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương²¹.

UBND tỉnh đã ban hành và triển khai Quyết định số 87/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 quy định thực hiện công khai minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/02/2021 về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3.3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội

Xác định công tác cải cách thủ tục hành chính là nội dung trọng tâm của cải cách hành chính, là khâu đột phá nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, giảm chi

¹⁹ HĐND và UBND các cấp đã ban hành 383 văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, HĐND tỉnh ban hành 65 Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành 190 Quyết định.

²⁰ Năm 2021 kiểm tra 58 văn bản QPPL; năm 2022 kiểm tra 67 văn bản QPPL; 6 tháng đầu năm 2023 kiểm tra 34 văn bản QPPL theo thẩm quyền.

²¹ Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành ban hành Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định.

phí và rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ kịp thời yêu cầu của người dân, tổ chức và doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành và triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng của công tác kiểm soát thủ tục hành chính gắn với giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và công tác cải cách thủ tục hành chính.

Công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều thủ tục hành chính được thông qua phương án đơn giản hóa giảm thời gian giải quyết, giảm thành phần hồ sơ²² hoặc được thông qua phương án tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm khâu trung gian không cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ²³; đẩy mạnh thực hiện liên thông nhóm các thủ tục hành chính có liên quan đến nhau bảo đảm rõ trách nhiệm, rõ thời gian giải quyết và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan²⁴.

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được hoàn thiện và triển khai đồng bộ ở các cấp chính quyền. Mô hình hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở cấp huyện và cấp xã được đổi mới theo hướng chuyển giao doanh nghiệp bưu chính công ích đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính²⁵; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, bảo đảm sự kết nối liên thông giữa các cấp chính quyền, góp phần công khai, minh bạch kết quả giải quyết thủ tục hành chính và xác định cụ thể trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt, chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hẹn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ hằng tháng công khai danh sách tổ chức, cá nhân giải quyết chậm/muộn hồ sơ thủ tục hành chính kể từ tháng 4/2022²⁶. Nhờ đó, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trước hạn, đúng hạn của toàn tỉnh đã cải thiện dần qua các năm (năm 2021, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trước và đúng hạn đạt 98.8%, năm 2022 đạt 99.7%, 6 tháng đầu năm 2023 đạt 99.9%).

3.4. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước.

²² Từ năm 2021 đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 40 quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa 109 thủ tục hành chính, số tiền tiết kiệm được sau khi đơn giản hóa ước tính đạt hơn 12 tỷ đồng. Trong đó, UBND tỉnh đã kiến nghị các Bộ, ngành trung ương xem xét các phương án đơn giản hóa cắt giảm thành phần hồ sơ đối với 05 TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi nộp hồ sơ thủ tục hành chính.

²³ UBND tỉnh đã phê duyệt quy trình nội bộ được tái cấu trúc đối với 13 TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Sở: Nội vụ (01 TTHC), Du lịch (06 TTHC), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (05 TTHC), Tư pháp (01 TTHC).

²⁴ UBND tỉnh đã ban hành Quy chế liên thông các nhóm TTHC: Đăng ký hộ kinh doanh – Đăng ký thuế; Cấp phiếu lý lịch tư pháp – Cấp chứng chỉ hành nghề Y/Dược; Cấp phiếu lý lịch tư pháp – Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài; Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ karaoke.

²⁵ UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 ban hành Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh”.

²⁶ Theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2206/UBND-KSTT ngày 26/4/2022.

- Đẩy mạnh việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), các quy định và văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương. Kết quả:

Qua sắp xếp, hiện nay tỉnh có 20 sở, ngành và 02 cơ quan tương đương²⁷ với 136 tổ chức bên trong, giảm 58 tổ chức (18 phòng chuyên môn thuộc sở, 03 chi cục trực thuộc sở, 37 phòng thuộc chi cục) so với thời điểm 2015; giảm 15 phòng so với năm 2020 (giảm 8 phòng thuộc sở và 03 phòng thuộc chi cục). UBND tỉnh đã ban hành quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh là 60 người²⁸; thực hiện rà soát sắp xếp số lượng cấp phó các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở, Phó Chánh Văn phòng, Phó Chi cục Trưởng và tổ chức tương đương thuộc Sở và Phó trưởng Phòng thuộc Chi cục thuộc Sở theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP. Đến nay, các sở, ngành thuộc tỉnh đã thực hiện giảm 87 Phó Trưởng phòng, trong đó: Giảm 59 cấp phó của các phòng, ban, chi cục thuộc Sở; giảm 28 cấp phó của các phòng thuộc ban, chi cục..

Hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục được đổi mới về tổ chức và quản lý, bảo đảm tinh gọn và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Đến nay, tỉnh có 721 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 152 đơn vị sự nghiệp công lập, tương ứng giảm 17,41% số đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015²⁹ và giảm 13 đơn vị so với năm 2020.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để hoàn thành mục tiêu tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị, Quyết định số 60-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương và quy định của Chính phủ. Biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2023³⁰, cụ thể: tổng số biên chế công chức trong các cơ quan hành chính là **2.187 biên chế** (giảm 18 so với biên chế được giao năm 2021, tỷ lệ 0,92%); tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là **25.938 người** (giảm 1.082 người so với năm 2021, tỷ lệ 3,61%).

²⁷ Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

²⁸ Theo Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh: có 03 cơ quan được bố trí tối đa 04 Phó Giám đốc và tương đương: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường; có 14 cơ quan được bố trí tối đa 03 Phó Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh; có 03 cơ quan được bố trí tối đa 02 Phó Giám đốc: Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch, Ban Dân tộc tỉnh.

²⁹ Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh: đến nay có 07 đơn vị (giảm 02 đơn vị, tương ứng giảm 0,71% so với năm 2020) sáp nhập Trường Cao đẳng Bình Định vào Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, chuyển Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội trực thuộc UBND tỉnh thành Trung tâm Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, ban, ngành: có 125 đơn vị (giảm 83 đơn vị, tương ứng giảm 59,29% so với năm 2015 có 208 đơn vị). Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện: có 602 đơn vị (giảm 56 đơn vị, tương ứng giảm 40% so với năm 2015 có 658 đơn vị).

³⁰ Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch về việc quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh giai đoạn 2022 - 2026³¹, mục tiêu tổng quát giai đoạn 2022 - 2026, tiếp tục thực hiện tinh giản 5% biên chế công chức và 10% số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Kết quả xây dựng vị trí việc làm: Có 22/22 cơ quan hành chính (gồm 20 sở, ngành và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) và 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm cơ cấu ngạch công chức theo quy định. Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành xây dựng Đề án vị trí việc làm cơ cấu ngạch công chức theo thông tư của các bộ, ngành trung ương; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2767/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 về phê duyệt cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính các cơ quan, đơn vị tỉnh Bình Định năm 2023.

UBND tỉnh phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực của từng vị trí việc làm của 733/733 đơn vị sự nghiệp công lập, đạt tỷ lệ 100% tổng số đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục chỉ đạo xây dựng vị trí việc làm gắn với rà soát, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tinh giản biên chế theo quy định của trung ương; công tác tổ chức các kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng, bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch, xếp lương, thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

- Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền: Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện đảm bảo sự quản lý thống nhất, phát huy được tính chủ động, trách nhiệm và tinh thần sáng tạo của các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm; đồng thời qua đó nâng cao trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, thanh tra trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp góp phần thực hiện tốt việc cải cách hành chính và hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - chính trị trên địa bàn tỉnh³². Đẩy mạnh việc thực hiện ủy quyền trong công tác quản lý nhà nước và trong giải quyết thủ tục hành chính.

Chỉ đạo việc triển khai thực hiện phương án sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tập trung triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó giai đoạn 2023-2025 không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp; có 06 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 05 phường thuộc thành phố Quy Nhơn và 01 xã thuộc thị xã Hoài Nhơn) thuộc diện sắp xếp.

3.5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính, có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới

³¹ Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh.

³² Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 77 quyết định phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực, tập trung trên các lĩnh vực: quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư, quản lý xây dựng, quản lý tài nguyên, môi trường, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính...

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “*về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*”, Tỉnh ủy đã ban hành Quy định số 09-QĐ/TU ngày 29/12/2022 về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 27/12/2021 thực hiện Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; Kế hoạch số 17-KH/TU ngày 21/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện công tác quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành các quy định, đề án triển khai thực hiện: Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bình Định; Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025; Quyết định số 4599/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2022 – 2030”.

Công tác điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch trong quy trình, thủ tục theo đúng chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước³³; Công tác bổ nhiệm, đề bạt, luân chuyển cán bộ nữ được quan tâm thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình, quy định của tỉnh (cán bộ nữ tham gia đại biểu Quốc hội khóa XV: 02/07 (đạt 28,57%); cán bộ nữ đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026: 15/57 (đạt 26,32%); cấp huyện: 96/362 (đạt 26,52%); cấp xã: 883/3.726 (đạt 24,43%); cán bộ nữ tham gia cán bộ chủ chốt sở, ngành cấp tỉnh: 14/20 (đạt 70%).

Thực hiện chủ trương bố trí được 4/11 Bí thư Cấp ủy cấp huyện (Tây Sơn, An Nhơn, Hoài Ân, An Lão) 4/11 Chủ tịch UBND cấp huyện (Vân Canh, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn) không phải là người địa phương. Việc thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhất thể hóa một số chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã đã góp phần bồi dưỡng, tạo nguồn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Công tác đánh giá cán bộ tiếp tục được đổi mới mẽ, đánh giá xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm, có khảo sát và so sánh với các chức danh tương đương; đồng thời, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, người trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ. Thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ đối với 81/93 cán bộ lãnh đạo, quản lý của 26 cơ quan, đơn vị³⁴.

Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý được gắn kết với các khâu của công tác cán bộ, bảo đảm sự liên thông giữa các cấp trong đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị và cơ cấu 3 độ tuổi, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài, thực hiện quy hoạch cấp ủy các cấp và các chức danh lãnh đạo chủ chốt theo hướng “động” và “mở”; thường xuyên rà soát, đánh giá đối với cán bộ diện quy hoạch để bổ sung, thay thế kịp thời.

³³ Bổ nhiệm mới 43 lãnh đạo Sở và tương đương, bổ nhiệm lại 23 lãnh đạo Sở và tương đương.

³⁴ Gồm 21 cơ quan hành chính và 05 đơn vị sự nghiệp công lập.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp được đẩy mạnh, tạo chuyển biến tích cực, bước đầu gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch; tập trung đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chú trọng bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; cập nhập bổ sung kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, công vụ³⁵. Đến nay, số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản đáp ứng yêu cầu.

Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc Quy định về chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ, xem đây là một trong những biện pháp để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực của công chức, viên chức chuyên môn khi tiếp xúc, tham mưu giải quyết công việc đối với một số lĩnh vực công tác³⁶.

Chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tập trung chỉ đạo tổ công tác về kiểm tra công vụ thường xuyên kiểm tra chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc “không đùn đẩy hoặc chuyển công việc thuộc thẩm quyền của đơn vị mình lên cấp trên hoặc đến các cơ quan, đơn vị, địa phương khác” theo chỉ đạo của Chính phủ và Công điện số 280/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ³⁷.

Hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với 31.606 (đạt tỷ lệ 100%) hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, hợp đồng lao động được kết nối, chia sẻ, đồng bộ 100% với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý.

3.6. Về tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính công, kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và chi đầu tư công

- Đẩy mạnh việc phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương, phát huy tính chủ động trong quản lý ngân sách của mỗi cấp, gắn với phân cấp về quản lý kinh tế - xã hội giai đoạn 2022-2025³⁸. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 148 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Công tác quản lý, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh đã bám sát, tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, văn bản hướng dẫn của Bộ,

³⁵ Đã tổ chức 22 lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; 24 lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của 159 xã, phường, thị trấn (năm 2023); các lớp lãnh đạo cấp sở và tương đương, lãnh đạo cấp huyện, cấp phòng, bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, kế toán; cử 03 công chức, viên chức đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ nước ngoài; bồi dưỡng ở nước ngoài theo đề án của Bộ Nội vụ đối với 01 cán bộ nữ.

³⁶ Năm 2022, đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác tại 17 cơ quan, đơn vị, địa phương với 264 cán bộ, công chức (trong đó, cấp tỉnh: 179 cán bộ, công chức; cấp huyện 85 cán bộ, công chức); năm 2023, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác tại 39 cơ quan, đơn vị, địa phương với 289 cán bộ, công chức (trong đó, cấp tỉnh: 234 cán bộ, công chức; cấp huyện 55 cán bộ, công chức).

³⁷ Từ tháng 5/2020 đến tháng 6/2023 Tổ Kiểm tra công vụ tỉnh tổ chức đã tổ chức 13 đợt kiểm tra, với 260 lượt cơ quan, đơn vị được kiểm tra (13 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, 54 cơ quan, đơn vị cấp huyện và 193 đơn vị, địa phương cấp cơ sở); trong đó, có 7 tập thể và 4 cá nhân vi phạm phải kiểm điểm, xử lý trách nhiệm

³⁸ Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021; Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021.

ngành Trung ương; từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công theo đúng mục tiêu, định hướng của quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm tính công khai, minh bạch. Các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị nhà nước đã thực hiện đầy đủ các quy định về công khai ngân sách nhà nước, tài chính của cơ quan, đơn vị; tăng cường trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc thanh, quyết toán tài chính, thanh tra, giám sát về thu, chi ngân sách hàng năm; minh bạch hóa hoạt động thu phí, lệ phí phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến nay, 100% cơ quan hành chính các cấp thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính. Trong tổng số 733 đơn vị sự nghiệp công lập, có 469 đơn vị (tỷ lệ 63,98%) do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên; 220 đơn vị (tỷ lệ 30,01%) tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên³⁹; 38 đơn vị (tỷ lệ 5,19%) tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên; 06 đơn vị (tỷ lệ 0,82%) tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và đầu tư.

Thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ đối với 110/134 đơn vị; trong đó, có 07 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, 12 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, 65 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, 26 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập bước đầu mang lại hiệu quả, số lượng các đơn vị tự bảo đảm chi ngày càng tăng, giảm áp lực tài chính cho ngân sách nhà nước. Các giải pháp, cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,...tiếp tục được thực hiện, khuyến khích mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác các tiềm năng về nhân lực, vật lực và tài lực trong xã hội để nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chuyển đổi Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông Bình Định thành Công ty cổ phần theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ⁴⁰.

3.7. Về huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa hành chính, xây dựng “chính quyền điện tử”

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030⁴¹; tiếp tục tăng cường triển khai

³⁹ Trong đó: 10 đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên; 21 đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên; 143 đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên.

⁴⁰ Văn bản số 820/TTg-ĐMDN ngày 17/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴¹ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng

Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Kết quả:

- Về công tác chuyển đổi số: Tỉnh đã tập trung xây dựng và triển khai thực hiện dự án Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025; tăng cường xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng tại các cơ quan bệnh viện, trường học; đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hệ thống offsite backup cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (Data Center) và trang thiết bị tại Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh, đảm bảo năng lực triển khai các phần mềm nền tảng, ứng dụng và cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh phục vụ phát triển chính quyền số và đô thị thông minh. Phát triển hệ thống mạng chuyên dùng, kết nối thông suốt từ tỉnh tới xã, đáp ứng việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

- Đạt tỷ lệ 50% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên địa bàn tỉnh, gồm: Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, tài chính. 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Tỷ lệ lập hồ sơ công việc được lập xử lý dưới dạng điện tử đạt trên 80% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, trên 60% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và trên 30% đối với UBND cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND cấp tỉnh và 11/11 UBND cấp huyện, 159/159 UBND cấp xã thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của UBND. Các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại, hiện nay đạt trên 20% (Văn phòng điện tử, Dịch vụ công, Doanh nghiệp, Tài chính, Tư pháp, Bảo hiểm xã hội, Tài nguyên môi trường, thanh toán ngân hàng...).

- Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý, đến nay đạt trên 20%: thuế kinh doanh thương mại điện tử, hệ thống quản lý lưu trú.

- Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) của tỉnh được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện, hiện có 08 dịch vụ, gồm: Dịch vụ giám sát an toàn thông tin; dịch vụ phản ánh hiện trường; dịch vụ giám sát, điều hành giao thông đã thực hiện cung cấp thông tin giao thông cho người dân qua Website và ứng

dụng di động Android, iOS; dịch vụ giám sát, an ninh trật tự đô thị với 35 camera quan sát và 39 camera xử lý vi phạm giao thông; dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; hệ thống giám sát dịch vụ công; dịch vụ trung tâm thông tin kinh tế - xã hội và Dashboard tổng hợp giám sát điều hành. Ngoài ra, Trung tâm IOC đã kết nối với dịch vụ giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản xây dựng và vận hành, hỗ trợ công tác tìm kiếm cứu nạn và theo dõi cảnh báo khi tàu cá vi phạm lãnh hải của nước ngoài.

- Cổng Dịch vụ công của tỉnh tiếp tục được đầu tư nâng cấp, thiết lập bổ sung một số chức năng, tiện ích để phục vụ ngày càng tốt hơn cho người dân, tổ chức, cụ thể: chức năng thanh toán trực tuyến **tiền học phí** của 03 cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học⁴² và **tiền phí sử dụng** dịch vụ công ích (nước máy, thu gom rác thải); triển khai thí điểm “Dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh⁴³.

Toàn tỉnh hiện đang cung cấp trực tuyến toàn trình đối với 851/1.829 thủ tục hành chính, cung cấp trực tuyến một phần đối với 374/1.829 thủ tục hành chính, đạt tỷ lệ 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến. 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần của tỉnh được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. 100% thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí được cung cấp chức năng thanh toán trực tuyến. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/6/2023, toàn tỉnh tiếp nhận tổng số 1.259.203 hồ sơ, trong đó có 249.154 hồ sơ được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến, đạt tỷ lệ 19.8%; trong đó, cấp tỉnh: 100.789/189.986 hồ sơ được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến, đạt tỷ lệ 53%; cấp huyện: 31.441/350.840 hồ sơ được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến, đạt tỷ lệ 9%; cấp xã: 116.924/718.377 hồ sơ được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến, đạt tỷ lệ 16.3%.

Triển khai thực hiện Đề án phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến ban hành kèm theo Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh (gọi tắt là Đề án 5299), tổ chức Đoàn các cấp đã ra quân các mô hình, đẩy mạnh triển khai các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân mở tài khoản dịch vụ công và nộp hồ sơ trực tuyến, đóng góp ngày càng tích cực vào sự chuyển biến của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, thể hiện ở một số chỉ tiêu chủ yếu như: số lượng tài khoản sử dụng Cổng Dịch vụ công được người dân trên địa bàn tỉnh tạo lập là 139.788 tài khoản (chưa bao gồm tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID); trong đó, số lượng tài khoản công dân do đoàn viên thanh niên hướng dẫn tạo lập là 133.136 tài khoản, chiếm 95%. Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến của toàn tỉnh từ ngày 01/3/2023⁴⁴ đến ngày 01/8/2023 là 80.822 hồ sơ, tăng 79% so với cùng kỳ năm 2022 (45.178 hồ sơ trực tuyến); trong đó, hồ sơ do đoàn viên thanh niên hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện chiếm 41% (32.888 hồ sơ)⁴⁵.

⁴² Trường Đại học Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Trường Cao đẳng y tế Bình Định.

⁴³ Thay vì triển khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia như trước đây.

⁴⁴ Thời điểm ra quân Đoàn thanh niên tỉnh nguyện thực hiện dịch vụ công trực tuyến (theo 38-KH/TĐTN-TTNTH ngày 20/02/2023 của Tỉnh đoàn về việc thực hiện công trình thanh niên “Tuổi trẻ Bình Định tiên phong chuyển đổi số” năm 2023).

⁴⁵ Số liệu được thống kê từ Hệ thống báo cáo Đề án 5299. Hệ thống báo cáo Đề án 5299 được kết nối, chia sẻ dữ liệu với “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính” của tỉnh để đối soát, kiểm chứng tính chính xác, trung thực của số liệu.

3.8. Về triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06)

Triển khai Đề án 06, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2023, Kế hoạch triển khai trong năm 2023⁴⁶, quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Đề án 06⁴⁷. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 32-CT/TU ngày 27/4/2023 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án 06; trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Chỉ thị số 32⁴⁸ và triển khai nhiệm vụ tháo gỡ các điểm nghẽn của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

UBND tỉnh đã chỉ đạo hoàn thành việc tích hợp, kết nối “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh” với “Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư” để khai thác thông tin, dữ liệu công dân gắn với đẩy mạnh triển khai số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tạo nhiều thuận lợi cho người dân thực hiện thủ tục hành chính⁴⁹.

Triển khai thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện nghiêm quy định về việc bỏ các giấy tờ liên quan đến thông tin công dân trong công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh⁵⁰; kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương rà soát, thực hiện quy trình sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính yêu cầu nộp bản sao Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân; nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy hoặc giấy xác nhận cư trú, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính không phải nộp hoặc xuất trình các thành phần hồ sơ có thể khai thác dữ liệu, tra cứu thông tin trực tiếp từ “Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư” thông qua việc kết nối, tích hợp, sử dụng “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh”.

(Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

⁴⁶ Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21/3/2022, Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 18/3/2023.

⁴⁷ Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 16/3/2022.

⁴⁸ Công văn số 3082/UBND-KSTT ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh.

⁴⁹ Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỷ lệ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của toàn tỉnh đạt 57.7% (cấp tỉnh đạt 66.66%, cấp huyện đạt 65.28%, cấp xã đạt 51.78%); tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của các sở, ngành thuộc tỉnh đạt 70.41%, UBND cấp huyện đạt 25.3%, UBND cấp xã đạt 34.3%.

⁵⁰ Công văn số 1227/UBND-KSTT ngày 08/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Trong gần 03 năm (2021 - 2023), Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Chương trình hành động số 09. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh ban hành “Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09” tại Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 trên cơ sở quán triệt đầy đủ các mục tiêu, yêu cầu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ; đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả tích cực, nổi bật như: một số nội dung thành phần quan trọng của các Chỉ số: PAPI, PAR Index, SIPAS, PCI dần ổn định và có sự cải thiện; kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được siết chặt gắn với đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính và chuyển đổi số, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư góp phần thực hiện thắng lợi và hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác cải cách thể chế của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi, đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành của chính quyền các cấp.

Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng cao; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa, giảm thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính; cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được duy trì, mở rộng, nâng cao hiệu quả; trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước được đề cao

Việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số được đẩy mạnh đã phát huy hiệu quả tích cực, bảo đảm thông tin thông suốt, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Những kết quả đạt được trong cải cách hành chính đã góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp, qua đó đã phát huy nội lực, thu hút tốt nguồn lực bên ngoài, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hằng năm.

2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những ưu điểm, kết quả đạt được, việc thực hiện Chương trình hành động số 09 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế chủ yếu như: kết quả đánh giá tổng thể các Chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS của tỉnh vẫn chưa cao, còn thiếu tính bền vững, chưa đáp mục tiêu đề ra; một số lĩnh vực cải cách hành chính chưa có sự đổi mới mang tính đột phá; nhất là công tác phối hợp giải quyết công việc chung giữa các ngành, các cấp chưa thực sự chủ động; trách nhiệm kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến kết quả giải quyết công việc chưa thông suốt, còn tình trạng chậm, muộn; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến còn thấp; trình độ năng lực, kỹ năng của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, nhất là ở cấp cơ sở.

Những hạn chế, yếu kém trong công tác cải cách hành chính nêu trên có nguyên nhân khách quan nhưng trực tiếp và chủ yếu là do một số nguyên nhân chủ quan như: người đứng đầu một số cơ quan, địa phương chưa thực sự vào cuộc, chưa thể hiện vai trò dẫn dắt công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; kỷ luật, kỷ cương vẫn còn lỏng lẻo; phương thức làm việc chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình hành động số 09 của Tỉnh ủy đề ra, Ban Chỉ đạo tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thay đổi tư duy, cách tiếp cận, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn chặt với việc tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Chi thị số 37-CT/TU ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu hiện nay. Quán triệt sâu sắc yêu cầu cải cách hành chính là một trong những giải pháp đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm của sự phục vụ hành chính; kết quả cải cách hành chính là “thước đo” đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và của Người đứng đầu.

Khẩn trương rà soát, đẩy nhanh tiến độ triển khai, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao gắn với việc thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh về cải thiện, nâng cao các chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính của tỉnh năm 2023 với nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số; kịp thời nhân rộng các mô hình mới, cách làm sáng tạo đã phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

2. Tập trung hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách; nâng cao hơn nữa chất lượng hiệu quả công tác xây dựng và thực thi pháp luật

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy định về cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương ban hành, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thu hút đầu tư.

Tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chú trọng công tác rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm

quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp. Phát huy có hiệu quả công tác truyền thông về pháp luật, về cơ chế, chính sách của Nhà nước đến với người dân tại các khu dân cư trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên tổ chức đối thoại, tiếp công dân theo đúng quy định, nâng cao hiệu quả tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp nhằm giải quyết hoặc giải đáp kịp thời những ý kiến phản ánh, khó khăn, vướng mắc của người dân ở cơ sở.

3. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội

Tập trung rà soát, nghiên cứu, đề xuất đơn giản hóa thành phần hồ sơ thủ tục hành chính; tăng cường thực hiện liên thông thủ tục hành chính; thực hiện tái cấu trúc quy trình giải quyết để cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là đối với những thủ tục hành chính thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để sử dụng hiệu quả dữ liệu số hóa phục vụ nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Từng cơ quan, đơn vị, địa phương phải có hành động cụ thể, giải pháp thiết thực để thúc đẩy người dân, doanh nghiệp ưu tiên sử dụng dịch vụ công trực tuyến; quan tâm tạo điều kiện, phối hợp với Đoàn Thanh niên thực hiện hiệu quả Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022 – 2027” được phê duyệt tại Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh (Đề án 5299).

4. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước

Tiếp tục thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp theo hướng tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với thực hiện tinh giản biên chế theo hướng thực chất, đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Đẩy mạnh thực hiện sắp xếp, tổ chức lại, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo đúng lộ trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị; xây dựng và triển khai phương án sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tập trung triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ “*về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030*”.

5. Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính, có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ và chính sách cán bộ. Tăng cường phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với kiểm tra, giám sát. Chân chính tác phong, lễ lối làm việc, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn chức danh khi bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ chuyên môn theo quy định. Tiếp tục nâng cao chất lượng hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với cấp xã.

6. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính công, kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và chi đầu tư công

Triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí do ngân sách nhà nước phân bổ; nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục rà soát, thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; trong đó, cần tập trung thông tin, nắm bắt kịp thời tâm trạng, tư tưởng của đội ngũ viên chức, nhân viên, người lao động của các đơn vị để thống nhất về nhận thức và hành động. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định có liên quan của tỉnh nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức ngoài công lập tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trên các lĩnh vực theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đảm bảo kết nối và chia sẻ dữ liệu, thông tin chỉ đạo, điều hành từ UBND tỉnh, đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

Tiếp tục hoàn thiện các ứng dụng, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu, nền tảng ứng dụng dùng chung của tỉnh, nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo thuận lợi việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, tại các địa phương để hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, thúc đẩy chuyển đổi số xuất phát từ người dân, tiếp cận người dân và vì lợi ích của nhân dân.

8. Tiếp tục triển khai và hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra theo Kế hoạch thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2023

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh làm cơ sở pháp lý cho việc khai thác, sử dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử; đẩy nhanh tiến độ số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; triển khai hiệu quả ứng dụng VNEID, đẩy nhanh tiến độ cung cấp chữ ký số cho người dân, doanh nghiệp; triển khai các giải pháp tích hợp, nâng cấp hệ thống phần mềm của Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Bình Định (IOC Bình Định) với các hệ thống phần mềm khác của tỉnh; phát huy vai trò của công an địa phương trong việc tham mưu cho UBND cùng cấp triển khai các nội dung theo Đề án 06.

Trên đây là báo cáo sơ kết giữa nhiệm thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Thành viên Ban Chỉ đạo 09,
- Thành viên BCD CCHC tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- CPVP, CVK1,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Nội vụ.

PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY

kiêm

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Phạm Anh Tuấn

PHỤ LỤC I

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG CÔNG TÁC
HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 (đến ngày 15/6/2023)**
(Theo Quyết định 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh)
(Kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ ngày / 2023 của Ban Chỉ đạo
thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy)



STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH				
1	Kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ; các cơ quan có liên quan	Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 16/11/2021 về truyền thông về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
2	Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan có liên quan	Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 17/5/2022 về việc Cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Bình Định đến năm 2025.	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
3	Xây dựng bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương (DDCI) giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan có liên quan	Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về ban hành Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
4	Kế hoạch thực hiện Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Đang triển khai
5	Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh đến năm 2025	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan	Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 về ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà	Năm 2023 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sân phẩm	Thời gian hoàn thành
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
				nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025	
II CẢI CÁCH THỂ CHẾ					
6	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định 85/2022/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
7	Quy chế thực hiện công khai, minh bạch về quy định, cơ chế, chính sách bảo đảm việc tiếp cận của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	Sở Tư pháp	Các cơ quan có liên quan	Quyết định số 87/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 Quy định về thực hiện công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
III CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					
8	Quy định về đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Bình Định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Triển khai sau khi có quy định của Trung ương
9	Đề án “Phát huy vai trò của thanh niên trong công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho người dân trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 – 2026”	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc phê duyệt Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 giai đoạn 2022-2027”	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
10	Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Bình Định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” trên địa bàn tỉnh	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sân phẩm	Thời gian hoàn thành
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
11	Đề án “Thí điểm triển khai mô hình chính quyền thân thiện phục vụ công dân thực hiện thủ tục hành chính giai đoạn 2022 – 2025”	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về phê duyệt Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng phục vụ người dân doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định”	Năm 2022 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
12	Kế hoạch thực hiện Đề án “Phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính”	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Đề án phân cấp TTHC do Thủ tướng Chính phủ ban hành giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để làm cơ sở triển khai thực hiện, không giao nhiệm vụ cụ thể cho địa phương.
13	Quy trình giải quyết nhóm thủ tục hành chính liên thông, tập trung trên các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, y tế, việc làm, chính sách xã hội,...	Các cơ quan có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	1. Quyết định 58/2021/QĐ-UBND - 30/09/2021 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh. 2. Quyết định số 64/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 ban hành Quy định liên thông trên lĩnh vực Y tế - Tư pháp. 3. Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 ban hành Quy chế liên thông lĩnh vực Việc làm - Tư pháp	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sân phẩm	Thời gian hoàn thành
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
14	Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	4. Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết nhóm thủ tục hành chính liên thông Cấp phiếu Lý lịch tư pháp – Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh. Quyết định số 4023/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 về ban hành Kế hoạch triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC				
15	Kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 05/01/2023 về quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh giai đoạn 2022-2026	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
16	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh	Sở Nội vụ	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 19/20 cơ quan (Thanh tra tỉnh thực hiện sau khi có hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ)	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
17	Đề án tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	- UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1568/UBND-NC ngày 28/3/2022 về việc triển khai thực hiện Công điện số 209/ĐD-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Đang tiếp tục thực hiện

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
18	Đề án thi điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan	- Sở Nội vụ đã xây dựng dự thảo và lấy ý kiến của các sở ban ngành. Hiện nay đang tổng hợp, hoàn thiện để trình UBND tỉnh. Sở Nội vụ đang chờ hướng dẫn của Trung ương để tham mưu xây dựng Đề án.	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
19	Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	- Sở Nội vụ trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 977-QĐ/TU ngày 20/6/2023 về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2030. - Sở Nội vụ đã hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 trình UBND tỉnh xem xét ban hành (Tờ trình số 547/TTr-SNV ngày 30/8/2023). - Sở Nội vụ trình UBND tỉnh xem xét, đăng ký dự kiến thời gian gửi hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025 (Tờ trình số 544/TTr-SNV ngày 29/8/2023).	Đang tiếp tục thực hiện
20	Phối hợp hoàn thành Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Bình Định (Dự án 513)	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ	Đang triển khai
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
21	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý cán bộ; về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý; về đào tạo, bồi dưỡng; các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Các sở, ngành, địa phương	Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bình Định. Quyết định số 06-QĐ/TU ngày 07/12/2021 của Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Tờ trình số 105/TTr-SNV ngày 26/2/2022 trình UBND tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Quy định số 05-QĐ/TU ngày 07/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tỉnh ủy quản lý; Quyết định số 843-QĐ/TU của Tỉnh ủy về sửa đổi điểm 4, Phần I, Quy định số 05-QĐ/TU ngày 07/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tỉnh ủy quản lý. Tờ trình số 105/TTr-SNV ngày 26/2/2022 trình UBND tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND bãi bỏ một phần của Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo kèm theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sân phẩm	Thời gian hoàn thành
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
22	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
23	Đề án thi tuyển cạnh tranh vào các vị trí quản lý cấp phòng, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Các sở, ngành, địa phương	Tờ trình số 686/TT-Tr-SNV ngày 29/11/2022 của Sở Nội vụ	Năm 2022 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
24	Quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2022-2025	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	- Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 - Quyết định số 78/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 - Quyết định số 75/2022/QĐ-UBND Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 78/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
25	Quy định về khung giá dịch vụ sự nghiệp công lập theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Năm 2023 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
26	Kế hoạch chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện thành công ty cổ phần theo quy định và lộ trình của Chính phủ	Sở Tài chính	Sở Nội vụ; các cơ quan có liên quan	Đang thực hiện chuyển đổi Trung tâm ĐTNVGT thành CTCP theo Quyết định số 3870/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải thành Công ty cổ phần	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				
27	Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định (Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định). - Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/03/2023 Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025. - Chỉ thị phát động thi đua chuyển đổi số (CT số 02/CT-UBND ngày 03/4/2023) - Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 06/4/2023 về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
28	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/04/2022 của UBND tỉnh về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khoa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Năm 2021 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
29	Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu hệ thống thông	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Đang triển khai

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
	tin báo cáo Chính phủ và các địa phương, các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh		thông; Các sở, ngành, địa phương		
30	Nâng cấp Công thông tin điện tử tỉnh đảm bảo liên kết, tích hợp các Công/Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ngành, địa phương	Công văn số 156/VPUBND-TTTHCB ngày 27/03/2022 thông báo hoàn thành việc nâng cấp Công TTĐT và đề nghị các cơ quan, đơn vị cung cấp một số thông tin để hoàn thiện Công TTĐT	Năm 2022 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
31	Nâng cấp hệ thống Văn phòng điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm soát việc thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Đã thực hiện bổ sung nhiệm vụ vào Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 04/04/2022 Chuyển đổi số năm 2022 của tỉnh Bình Định và Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 11/05/2022 Chuyển đổi số trên lĩnh vực Thông tin và Truyền thông năm 2022	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
32	Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Đang triển khai theo Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (phiên bản 2.0) và sẽ cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
33	Đề án mô hình Trung tâm dữ liệu dùng chung	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	- Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Định. - Quyết định 3196/UBND-VX ngày 09/6/2022 Chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh Bình Định. - Quyết định 51/2022/QĐ-UBND ngày 16/08/2022 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Bình Định.	Năm 2023 Hoàn thành và tiếp tục thực hiện

STT	Nhiệm vụ	Trách nhiệm cụ thể		Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp		
34	Kế hoạch triển khai: Nền tảng hợp tác trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ, Nền tảng trợ lý ảo, đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin đã được xây dựng tại địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 04/4/2022 về Chuyển đổi số 2022 của tỉnh Bình Định	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
35	Đề án triển khai mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định 5151/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 Ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định, phiên bản 1.0	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
36	Xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Y tế thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới Y tế thông minh toàn quốc	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan có liên quan	Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 19/5/2022 về xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ y tế thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới y tế thông minh toàn quốc	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
37	Xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông minh toàn quốc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan có liên quan	Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 10/5/2022 về thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới giáo dục thông minh toàn quốc	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
38	Đề án số hóa dữ liệu chuyên ngành (ưu tiên các lĩnh vực tài nguyên môi trường, xây dựng, dự án đầu tư) và tích hợp lên các nền tảng số, kết nối, chia sẻ CSDL chuyên ngành với trực LGSP của tỉnh phục vụ công tác chuyển đổi số	Các sở, ngành có liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành, địa phương	Đang triển khai theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Định	Hoàn thành và tiếp tục thực hiện
TỔNG CỘNG: 38 NHIỆM VỤ					

Rút 02 nhiệm vụ so với 40 nhiệm vụ ban đầu:

- Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh (Đã có ý kiến thống nhất của UBND tỉnh tại Công văn số 5003/UBND-NC ngày 30/8/2022)
- Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (Đã có ý kiến thống nhất của UBND tỉnh tại Công văn số 4227/UBND-NC ngày 25/7/2022)

PHỤ LỤC II

Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình hành động số 09-CTr/TU
 (Kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ ngày / /2023 của Ban Chỉ đạo
 thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy)

STT	CÁC MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU	MỨC ĐỘ THỰC HIỆN			ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
		Chỉ số	Năm 2021	Năm 2022	
1	Phấn đấu kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) nằm trong nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước và nhóm 3 địa phương dẫn đầu khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, điểm chỉ số năm sau cao hơn năm trước.	PCI	68.32 điểm Nhóm Tốt Xếp vị trí 2/12 địa phương thuộc khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố	66,65 điểm Nhóm Tốt Xếp vị trí 04/12 địa phương thuộc khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, Xếp hạng 21/63 tỉnh thành	
		DDCI	Chưa đánh giá	Nhóm cơ quan cấp tỉnh đạt 70, 67/100 điểm đạt mức Tốt; Các địa phương (các huyện, thị xã, thành phố) đạt 67,73 điểm, mức Khá.	
		PAPI	41.94 điểm Nhóm Trung bình thấp Xếp vị trí 05/12 tỉnh, thành thuộc khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, xếp thứ 37/60/63 tỉnh, thành phố	41.67 điểm Nhóm Trung bình thấp Xếp vị trí 05/12 tỉnh, thành thuộc khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, xếp thứ 38/61/63 tỉnh, thành phố	Chưa đạt
		PAR INDEX	86.75% Nhóm B Xếp vị trí 03/12 tỉnh, thành thuộc khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố	85.03% Nhóm B Xếp vị trí 06/12 tỉnh, thành thuộc khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố	Chưa đạt
		SIPAS	Đạt 87.67%	Đạt 81.78%	Đạt

STT	CÁC MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU	MỨC ĐỘ THỰC HIỆN		ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
		Vị trí 2/12 tỉnh, thành thuộc khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, xếp thứ 23/63 tỉnh, thành phố	Vị trí 03/12 tỉnh, thành thuộc khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, xếp thứ 21/63 tỉnh, thành phố	
		SIPAS (tinh khảo sát)	Đạt 81.1% trong đó: Nhóm cơ quan thuộc UBND tỉnh đạt 83.76, UBND cấp huyện đạt 80.94; các cơ quan Trung ương đạt 78.68%.	Đạt 86.3% trong đó: Nhóm cơ quan thuộc UBND tỉnh đạt 90.38, UBND cấp huyện đạt 86.89; các cơ quan Trung ương đạt 81.64%.
	Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%	Năm 2022 đạt 87,1% (Theo Bộ Nội vụ), đến tháng 8/2023: đạt 73.16% (Công Dịch vụ công Quốc gia)		
2	Đạt 100% thủ tục hành chính, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến toàn trình.	Đạt tỷ lệ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công		Đạt
	Đạt 50% thủ tục hành chính cung cấp Dịch vụ công toàn trình của tỉnh được tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia.	Đạt tỷ lệ 86.9%		Vượt chỉ tiêu đề ra
4	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến toàn tỉnh đạt tối thiểu 50%.	Đạt tỷ lệ 37,1% hồ sơ được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến.		
	Phần đầu có 10% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn sau đại học.	Toàn tỉnh có 9,7% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn sau đại học.		
	Phần đầu có 80% cán bộ chuyên trách cấp xã có trình độ đại học, được chuẩn hoá về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác.	Đạt tỷ lệ 92,7% cán bộ chuyên trách cấp xã có trình độ đại học trở lên		Vượt chỉ tiêu đề ra
	Phần đầu đạt 100% công chức cấp xã có trình độ đại học (không bao gồm công chức làm việc tại các xã miền núi, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).	Toàn tỉnh có 89,3% công chức, cấp xã có trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng trở lên		

STT	CÁC MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU	MỨC ĐỘ THỰC HIỆN	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
5	Tiếp tục giảm tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 giảm 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016 - 2020; phấn đấu có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính, 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần.	Đến nay số đơn vị sự nghiệp công lập 733 đơn vị, giảm 7 đơn vị so với năm 2020, tương ứng 0,67%. đến nay có 38/733 đơn vị (tỷ lệ 5,19%) tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên; 06/733 đơn vị (tỷ lệ 0,82%) tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và đầu tư	
	100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên địa bàn tỉnh.	Đạt tỷ lệ 50% - Cơ sở dữ liệu trong cơ quan hệ thống chính trị: Quản lý Cán bộ, công chức, viên chức, Quản lý đảng viên; - Cơ sở dữ liệu phục vụ kinh tế-xã hội: Định danh cá nhân, Doanh nghiệp, Bảo hiểm xã hội, Tài chính, Y tế, Giáo dục,....	
6	100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử được xác thực điện tử. 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành (không bao gồm nội dung mật) được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.	Đạt 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử được xác thực điện tử. Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đang được triển khai xây dựng.	Hoàn thành
	90% hồ sơ công việc cơ quan cấp tỉnh, 80% đối với cơ quan cấp huyện và 60% đối với UBND cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ công việc mật).	80% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, 60% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và trên 30% đối với UBND cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Đang triển khai

PHỤ LỤC III
THỐNG KÊ MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG 09
(Kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ ngày / /2023 của Ban Chỉ đạo
thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê			Ghi chú
			Số liệu			
			2021	2022	2023	
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	15	90	65	
2	Kiểm tra CCHC					
	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	7	3		
	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	6	6	3	
3	Số VBQPPL đã ban hành					
	Cấp tỉnh ban hành	Văn bản	111	111	60	
	Cấp huyện ban hành	Văn bản		67	34	
	Cấp xã ban hành	Văn bản		0	0	
4	Thống kê TTHC					
-	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	52	37	18	
-	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	160	126	25	
-	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	228	104	38	
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê				Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
			2021	2022	2023	
+	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1510	1551	1547	
+	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	391	383	362	
+	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	169	170	160	
5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông					
-	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	246	395	289	
-	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	83	175	143	
6	Kết quả giải quyết TTHC					
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96,52	99,95	99,97	
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn		98,67	99,78	99,85	
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,68	99,67	99,90	
7	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy					
-	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		100	100	
-	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		100	100	

STT	Chi tiêu thống kê	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
			2021	2022	
-	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	3	
-	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	753	733	721
+	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	8	7	7
+	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	76	125	112
+	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	669	601	602
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%			17,41
8	Số liệu về biên chế công chức				
-	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2205	2.205	2187
-	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2170	2.052	2041
-	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	159	159	
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		10,2	11
9	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập				
-	Tổng số người làm việc được giao	Người	27.020	26.479	25.938
-	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	26.411	24.285	24.285
-	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	687	541	29
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10,00	11,82	14

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê				Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
			2021	2022	2023	
10	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		42,14%		
	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		19.614.898	17.609.049	
	Đã thực hiện	Triệu đồng		12.207.074	4.213.910	
11	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa					
-	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		733	721	
-	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	6	8	8	
-	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	38	35	38	
	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	348	180	198	
+	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		9	9	
+	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		30	32	
+	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		141	157	
-	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		509	493	
-	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lưu ý kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	0	1	
12	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến					
-	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100	100	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê				Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu			
			2021	2022	2023	
+	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục		332	402	
+	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	50	332	402	
+	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		89	201	
-	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%		100	100	
+	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục		908	893	
+	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	1197	908	893	
+	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		223	311	
-	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	86,64	60,81	75,81	
+	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình của địa phương	Thủ tục	1224	1240	1.295	
+	Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1036	754	1.412	
+	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần và toàn trình (Chỉ thống kê đối với các TTHC một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ)	%		59,74	0,72	
+	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ		184.856	50.676	
+	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ		110.441	36.661	
-	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		100	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
			2021	2022	
+	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	651	541	
+	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	651	541	